

Số: **1209/2018/QĐST-HNGĐ**

Tân Phú, ngày 30 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TP

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1034/2018/HNST ngày 09 tháng 10 năm 2018 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị Kiều P, sinh năm 19xx; Địa chỉ: LTV, phường TTH, quận TP, Thành phố HCM

Người yêu cầu: Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 19xx; Địa chỉ: LTV, phường TTH, quận TP, Thành phố HCM

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa Bà Nguyễn Thị Kiều P và ông Nguyễn Ngọc L.

[2] Về quan hệ con chung: Hai bên khai không có.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Hai bên khai không có.

[4] Về nợ chung: Hai bên khai không có.

[5] Về lệ phí Tòa án: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông L và bà P cùng chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà hai bên đã nộp theo Biên lai thu số 0011951 ngày 08/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TP.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều P và ông Nguyễn Ngọc L cùng thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa Bà Nguyễn Thị Kiều P và ông Nguyễn Ngọc L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 23/2016 ngày 28/3/2016 do Ủy ban nhân dân phường TTH, quận

TP, Thành phố HCM cấp cho Bà Nguyễn Thị Kiều P và ông Nguyễn Ngọc L chấm dứt kể từ ngày Quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Hai bên khai không có
- Về quan hệ tài sản chung : Hai bên khai không có
- Về nợ chung : Hai bên khai không có

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà P và ông L cùng chịu, được căn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà hai bên đã nộp theo Biên lai thu số 0011951 ngày 08/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TP, các đương sự đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. TP;
- UBND phường THT, quận TP, Tp. HCM
- Chi cục THA.DS Q. TP;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ

THẨM PHÁN

Lê Thị Ngọc H